

ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN FDI GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

PROMOTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT WITH ENVIRONMENTAL PROTECTION IN DA NANG CITY

Dặng Vinh

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; dvinh@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Đà Nẵng là đầu tàu của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. Với tiềm năng và lợi thế so sánh về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực, Đà Nẵng có nhiều thuận lợi trong thu hút nguồn vốn FDI. Trong những năm qua, nguồn vốn FDI thu hút vào Đà Nẵng không ngừng gia tăng và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và của vùng. Trong bối cảnh phát triển mới, khi quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng với việc tham gia hàng loạt Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới, việc thu hút nguồn vốn FDI của Đà Nẵng có những cơ hội và thách thức mới [2]. Yêu cầu quan trọng hàng đầu trong việc thu hút nguồn vốn FDI là cơ cấu, chất lượng các dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và đảm bảo hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường [10].

Từ khóa - Đầu tư trực tiếp nước ngoài; đẩy mạnh thu hút vốn FDI; quản lý môi trường; chất lượng môi trường.

Abstract - Da Nang is the leader of Economic central point of Central Vietnam. With its potential and comparative advantages in geographical location, infrastructure and human resources, Da Nang has many advantages in attracting FDI. In recent years, FDI invested into Da Nang has considerably increased and contributed positively to the socio-economic development of the city and the whole region. In the context of new development when the international integration of Vietnam is increasingly deepened with the participation in a range of new Free Trade Agreements (FTA), the attraction of FDI of Da Nang faces both new opportunities and challenges. The top priority in attracting FDI is the structure and quality of projects in line with the socio-economic development strategy of the city and ensuring the maximum reduction of environmental pollution.

Key words - Foreign Direct Investment; Promoting foreign direct investment; environmental management; environmental quality

1. Đặt vấn đề

Trong điều kiện nước ta nền kinh tế có điểm xuất phát thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và chưa vững chắc, để thực hiện mục tiêu KT- XH (Kinh tế -Xã hội) đề ra, thì ngoài việc phải huy động nguồn vốn trong nước, coi nguồn vốn trong nước có vai trò quyết định, cần phải tranh thủ tối đa lợi thế của các nguồn vốn thế giới. Trong các nguồn lực bên ngoài thì FDI là một bộ phận không thể thiếu được. Trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, tùy theo tình hình KT-XH và điều kiện phát triển của mỗi nước mà vốn FDI chiếm một vị trí quan trọng tương ứng. Đối với nước ta nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng, FDI là một bộ phận không thể thiếu được trong tổng vốn đầu tư phát triển KT-XH. Nó là điều kiện quan trọng để khai thác và phát triển các nguồn lực trong nước. Do vậy, cần phải đẩy mạnh thu hút vốn FDI, tuy nhiên không phải thu hút bằng mọi giá, mà phải thu hút có trọng tâm, trọng điểm và đặc biệt hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường [7], [9].

2. Khái niệm; các hình thức FDI và tác động của vốn FDI đối với nền kinh tế.

2.1. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

FDI là hình thức đầu tư mà nhà ĐTNN (đầu tư nước ngoài) đầu tư toàn bộ hay phần vốn đầu tư đủ lớn nhằm giành quyền kiểm soát hoặc tham gia kiểm soát doanh nghiệp ở nước chủ nhà [9].

2.2. Khái niệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Việc áp dụng các biện pháp, chính sách để các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư bằng các hình thức khác nhau phù hợp với lợi ích chung của cả nhà đầu tư và địa phương tiếp nhận [3].

2.3. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Business Co-operation Contract); Doanh nghiệp liên doanh; BOT (Building Operate Transfer); BTO (Building Transfer Operate); BT (Building Vai trò của vốn FDI Transfer); PPP (Public - Private Partnership).

2.4. Tác động của vốn FDI với nền kinh tế

2.4.1. Tác động tích cực

Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ; tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực cho địa phương; tăng cường hội nhập, quan hệ kinh tế đối ngoại và góp phần lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác, nâng cao năng lực cạnh tranh; Giải quyết những vấn đề khó khăn về kinh tế và xã hội trong nước như thất nghiệp, lạm phát, cứu nguy cho một số doanh nghiệp trên bờ vực phá sản; tăng thu ngân sách dưới hình thức các loại thuế; tạo ra môi trường cạnh tranh để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và thương mại; học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước trên thế giới [5], [8].

2.4.2. Tác động tiêu cực

Hiện tượng “chuyển giá” khá phổ biến trong đầu tư trực tiếp nước ngoài; mất cân đối trong đầu tư; gây tiêu cực về lao động, tài chính; du nhập những công nghệ lạc hậu trên thế giới; mất việc làm truyền thống; xuất hiện nguy cơ rửa tiền [8].

Gây ô nhiễm môi trường: Tác động tiêu cực nhất của khu vực FDI đối với nước nhận đầu tư là những ảnh hưởng về môi trường, đặc biệt là tình hình “xuất khẩu” ô nhiễm từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển thông qua FDI ngày càng gia tăng, làm cho nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng, chất lượng cuộc sống của nhân dân bị giảm.

Các nước đang phát triển có nguy cơ trở thành những nước có mức “nhập khẩu” ô nhiễm cao, nhiều nhất là Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam... [8], [9]. Hầu hết các nhà đầu tư từ các nước trên thế giới chưa quan tâm đúng mức đến hệ thống xử lý chất thải, điều này làm cho ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng, làm cho người dân lo âu, chính quyền khó kiểm soát. Hơn nữa trình độ quản lý của các nước tiếp nhận đầu tư còn hạn chế, khó có thể kiểm soát và bắt kịp tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật của các nước tiên tiến trên thế giới. Các chương trình giám sát, xử phạt vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện trong khi ngày càng có nhiều dự án triển khai. Mặt khác nhiều dự án nước ngoài có công nghệ lạc hậu, chạy theo lợi nhuận. Hơn nữa khâu xử lý nước thải kém đã gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2.5. Quan điểm thu hút vốn FDI thành phố Đà Nẵng

Chính quyền Thành phố luôn quan tâm và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FDI phát triển để xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị động lực, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển vùng, hướng mô hình tập trung đa cực, không gian mở rộng; liên kết hợp tác chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước; phát triển kinh tế biển và hội nhập kinh tế quốc tế [10].

2.6. Chính sách thu hút vốn FDI của Đà Nẵng

Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách trong việc thúc đẩy và kêu gọi đầu tư, thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố đối với các nhà đầu tư đó là:

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư theo hướng tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm cơ chế “một cửa, một đầu mối” trong công tác xúc tiến đầu tư; Rà soát để đổi mới về nội dung và phương thức xúc tiến đầu tư; Các chương trình trong quá trình xúc tiến đầu tư cần được thực hiện theo ngành, lĩnh vực, địa bàn với các dự án và đối tác cụ thể, hướng vào các đối tác là các công ty đa quốc gia, siêu quốc gia có tiềm lực về tài chính và công nghệ cao; Tăng

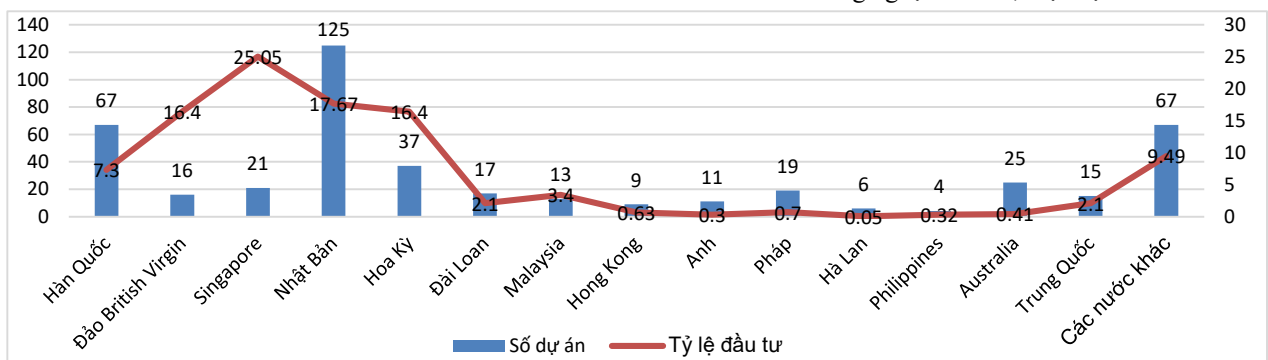
cường công tác nghiên cứu thị trường của các đối thủ cạnh tranh, đặc điểm và xu thế vận động của FDI trong từng giai đoạn; Nâng cao chất lượng thông tin về luật pháp của các đối tác đầu tư, làm sao cho các nước đầu tư am hiểu pháp luật của Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng; Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực; đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý và cán bộ làm việc trong các doanh nghiệp liên doanh; Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI; Nâng cao hơn nữa công tác bảo vệ môi trường với phương châm thực hiện FDI bền vững môi trường... Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư sau cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành đối với các dự án đầu tư; Tiến hành rà soát, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các dự án chậm triển khai hoặc không triển khai thực hiện [9].

Ngoài các chính sách thu hút vốn FDI của chính phủ và thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua, Thành phố có nhiều chính sách riêng để thu hút vốn một số dự án đặc thù mà chủ yếu là khuyến khích vào khu công nghệ cao mới được thành phố đầu tư [10].

3. Tình hình thu hút vốn FDI vào thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua

3.1. Tình hình thu hút vốn FDI tại thành phố Đà Nẵng

Tính từ năm 1987 đến nay, thành phố Đà Nẵng đã thu hút vốn FDI từ 34 quốc gia trên thế giới trong đó chủ yếu đến từ các nước châu Á. Nhật Bản là nước chiếm tới 27,65%, chiếm 17,67% vốn; Hàn Quốc chiếm 14,8% số dự án đầu tư vào thành phố Đà Nẵng [4]. Việc các nước Châu Âu chiếm tỷ trọng thấp trong thu hút vốn FDI là bất lợi cho thành phố Đà Nẵng vì chưa tận dụng được công nghệ tiên tiến, tiếp thu công nghệ hiện đại còn hạn chế, cũng như trình độ quản lý từ các nước có công nghệ tiên tiến, hiện đại.



Hình 1. Số dự án và tỷ lệ đầu tư FDI vào Đà Nẵng

Nguồn: Sở Kế hoạch & Đầu tư TPĐN

3.2. Phân theo lĩnh vực đầu tư

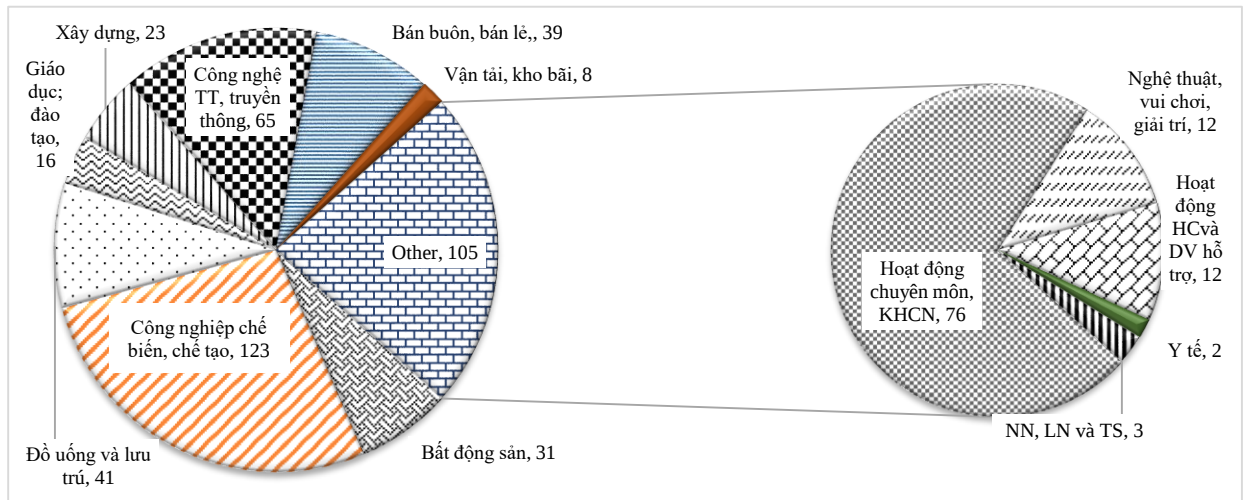
Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào công nghệ chế biến, chế tạo, công nghệ thông tin, đây cũng là những lĩnh vực mà thành phố đang khuyến khích đầu tư. Ngoài ra lĩnh vực bất động sản, dịch vụ ăn uống, lưu trú... cũng được các nhà đầu tư quan tâm.

Tình hình vốn của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng

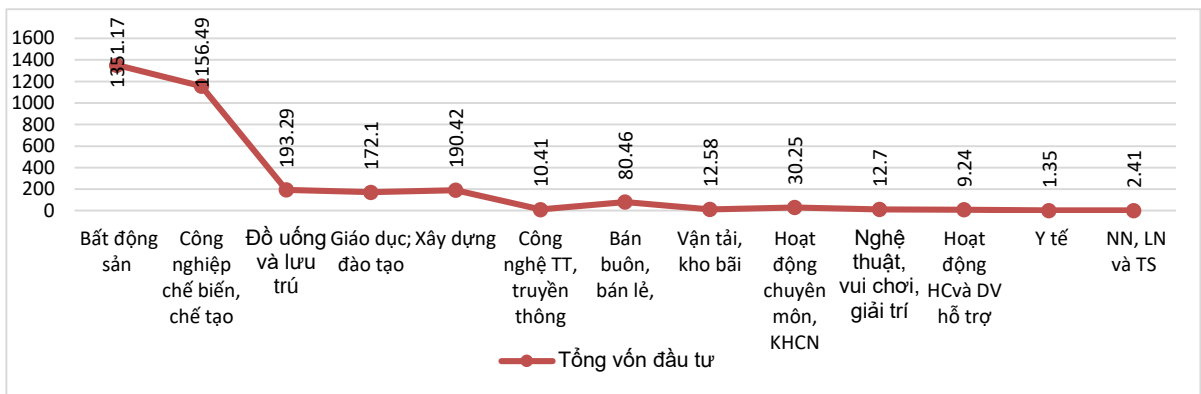
Nhìn chung số doanh nghiệp có vốn dưới 10 tỷ đồng chiếm tỷ lệ lớn khoảng 53,54% trong tổng số doanh nghiệp đăng ký đầu tư và trong đó doanh nghiệp FDI chiếm khoảng 0,9%. Doanh nghiệp có số vốn từ 50 tỷ đồng đến 200 tỷ chiếm khoảng 3,5% trong tổng số doanh nghiệp và chỉ chiếm 0,23% trên tổng số các doanh nghiệp trong toàn thành phố. Đặc biệt doanh nghiệp có số vốn từ 200 tỷ đến 500 tỷ chỉ chiếm khoảng 5,6% trong tổng số các doanh

ng nghiệp và doanh nghiệp FDI chỉ chiếm 0,23 % trong tổng số các doanh nghiệp trên toàn thành phố. Các doanh nghiệp có vốn trên 500 tỷ chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cho thấy

trong những năm qua tình hình thu hút nguồn vốn FDI của thành phố Đà Nẵng gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là số các dự án có qui mô lớn.



Hình 2. Lĩnh vực đầu tư FDI vào Đà Nẵng (Nguồn: Sở Kế hoạch & Đầu tư TPĐN)

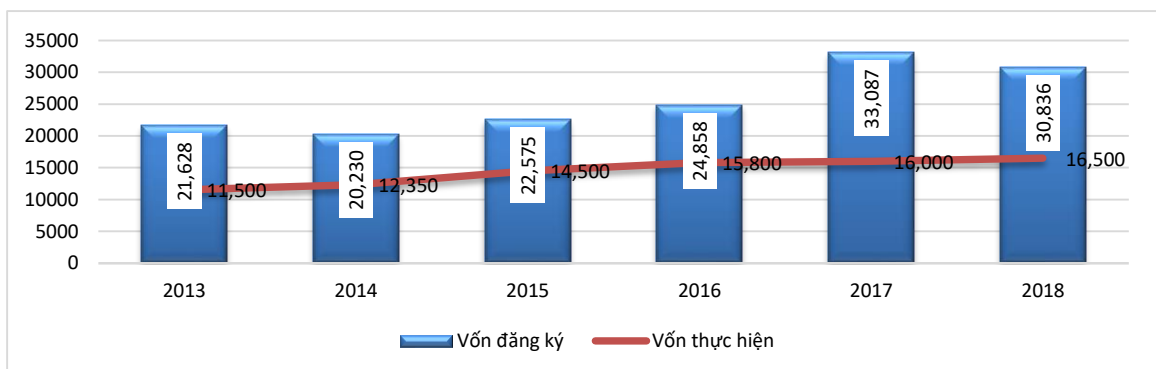


Hình 3. Tổng vốn đầu tư theo từng lĩnh vực (Nguồn: Sở Kế hoạch & Đầu tư TPĐN)

3.3. Vốn thực hiện các doanh nghiệp FDI thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua.

Thu hút nguồn vốn FDI vào thành phố Đà Nẵng đã góp phần vào tổng vốn đầu tư chung cho toàn xã hội, cải thiện đời sống của người lao động, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, mức độ đóng góp của nguồn vốn FDI còn rất hạn chế, còn rất khiêm tốn so với tiềm năng của thành phố. Điều này cho thấy thu hút nguồn vốn FDI chưa đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế hội nhập như hiện nay.

So với nguồn vốn chung của cả nước thì nguồn vốn FDI đăng ký và vốn thực hiện của thành phố Đà Nẵng chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Do vậy việc kêu gọi đầu tư còn nhiều hạn chế, việc giải ngân của các chủ đầu tư còn rất thấp, hiệu quả thực tế chưa cao, chưa đáp ứng được tiềm năng của thành phố, hơn nữa các dự án đầu tư vào thành phố trong những năm gần đây chủ yếu là các dự án trong lĩnh vực tư vấn, thương mại nên vốn thực hiện không cao [4].



Hình 4. Vốn đăng ký và vốn thực hiện tại Đà Nẵng (triệu USD)

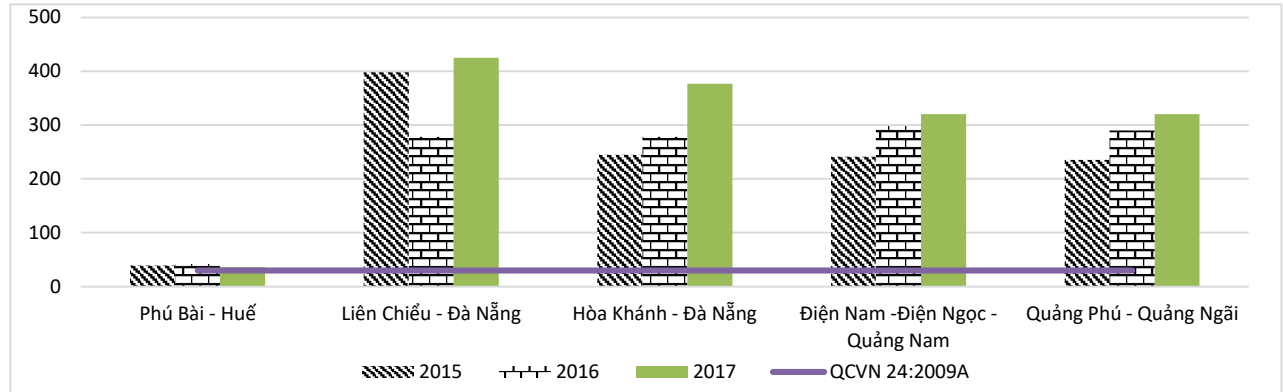
Nguồn: <http://www.ipc.danang.gov.vn>

4. Đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường của các khu công nghiệp thành phố Đà Nẵng và một số địa phương lân cận

Đà Nẵng có sáu KCN tập trung, diện tích qui hoạch trên 1.500 ha với 290 DN, trong đó có 200 DN đang hoạt động. Khi các KCN được lấp đầy và các dự án đi vào hoạt động thì cũng là lúc Đà Nẵng nhận ra những gánh nặng về vấn đề môi trường nước thải, khí thải, chất thải và điều đáng lo ngại nhất là tại sáu KCN chỉ mới có KCN Hòa Khánh có nhà máy xử lý nước thải tập trung nhưng đang trong giai đoạn vận hành thử. Kết quả kiểm tra thực địa tại các KCN cho thấy chất thải là rất lớn và phức tạp. Trong số 290 dự án đầu tư tại các KCN trên địa bàn TP Đà Nẵng chỉ có

khoảng 45% số dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và điều đáng lo ngại nhất là tại sáu KCN chỉ mới có KCN Hòa Khánh có nhà máy xử lý nước thải tập trung nhưng đang trong giai đoạn vận hành thử [1], [9].

Mức độ ô nhiễm của các sông, nơi xả thải của các khu công nghiệp rất lớn, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao gấp từ 15-50 lần, thậm chí có thời điểm cả trăm lần. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường xung quanh khu dân cư và môi trường sống của thủy, hải sản nơi có các khu công nghiệp. Theo quy định của Quy chuẩn QCVN24:2009 BTNMT cho phép hàm lượng cặn lơ lửng chỉ ở mức 50mg/l nước thải. Ngoài ra, hàm lượng BOD5 trong nước thải tại các khu công nghiệp vượt mức cho phép rất nhiều lần [1].



Hình 5. Hàm lượng BOD5 trong nước thải của một số khu công nghiệp miền Trung

Nguồn: Báo cáo tác động môi trường TTQT và TCMT

Chỉ số BOD5 trong nước thải tại các khu công nghiệp ở mức rất cao và không có xu hướng giảm trong từng năm. Chính vì thế cần có các giải pháp để các khu công nghiệp thực hiện xử lý nước thải để đảm bảo môi trường nước trong sạch cho môi trường sống.

Ngoài ra khi khảo sát diễn biến chất lượng không khí tại các trạm quang trắc tự động ở các thành phố lớn cho thấy các tỉnh thành lớn như Hà Nội có tỷ lệ ô nhiễm bụi ở mức cao. Chỉ số chất lượng không khí AQI¹ cho thấy ở các đô thị lớn, số ngày có AQI ở mức kém và xấu chiếm tỷ lệ khá lớn.

Hàm lượng bụi trong không khí tại các tỉnh khu vực miền Trung giai đoạn 2015-2017 tương đối thấp hơn so với các thành phố lớn trong cả nước. Tuy nhiên hàm lượng bụi ở các khu vực gần KCN có khai thác khoáng sản, sản xuất điện, xi măng có hàm lượng bụi gấp 8-12 lần so với các khu vực xa Khu công nghiệp.

5. Các nhóm giải pháp để đẩy mạnh thu hút vốn FDI và bảo vệ môi trường.

5.1. Nhóm giải pháp về thu hút vốn

Mở rộng thị trường; ổn định thị trường chứng khoán; hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Tăng

cường xây dựng chính sách khuyến khích Đầu tư; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT; Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; Liên kết kinh doanh, công nghệ và cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh; Các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, thực hiện các biện pháp chống chuyển giá, gian lận thuế.

Đổi mới cơ chế, tổ chức bộ máy Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong nước để phát triển liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài; Phát triển các dịch vụ và các ngành sản xuất phụ trợ cho các ngành công nghiệp, dịch vụ.

5.2. Nhóm giải pháp về môi trường

5.2.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

Các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài gây ảnh hưởng không nhỏ đến ô nhiễm môi trường, do đó cần phải tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống pháp luật, để khi pháp luật được ban hành phải thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay; Rà soát, điều chỉnh các qui chuẩn về kỹ thuật quốc gia về môi trường phù hợp với điều kiện trong nước và quốc tế, kết hợp với lượng thải chất ô nhiễm và sức chịu tải của môi trường.

	bình	gian ở bên ngoài	
101-200	Kém	Nhóm nhạy cảm cần hạn chế thời gian ở bên ngoài	
201-300	Xấu	Nhóm nhạy cảm tránh ra ngoài, những người khác hạn chế ở bên ngoài	Đỏ
Trên 300	Nguy hại	Mọi người nên ở trong nhà	

¹Chỉ số AQI của thông số ô nhiễm lớn nhất theo Quyết định số 878/QĐ-TCMT ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Tổng cục Môi trường về việc ban hành sổ tay tính toán chỉ số chất lượng không khí, được thể hiện qua các thang điểm [1].

Khoảng giá trị AQI	Chất lượng không khí	Ảnh hưởng đến sức khỏe	Màu
0-50	Tốt	Không ảnh hưởng đến sức khỏe	Xanh lá
51-100	Trung	Nhóm nhạy cảm nên hạn chế thời	Vàng

Xây dựng hệ thống tiêu chí về môi trường cho phù hợp với điều kiện hiện nay để bắt kịp với tình hình thế giới và để làm cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ quan trắc; Cần phải rà soát, lựa chọn, sàn lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư, hoàn thiện xử lý hệ thống nước thải tập trung, hạn chế tối đa tác động xấu về môi trường và đặc biệt ảnh hưởng đến người dân sinh sống gần khu vực có nhà máy sản xuất, hạn chế tối đa để xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự, những tác động tiêu cực do môi trường sinh ra ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị xã hội tại địa phương.

Thực hiện việc quy hoạch, quy hoạch lại ở các Khu công nghiệp phải ở xa nơi người dân sinh sống và đồng thời gắn với qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội chung của địa phương, của cả nước và khu vực.

Cần phải loại bỏ các doanh nghiệp có sử dụng công nghệ lạc hậu, công nghệ đã qua sử dụng có nguy cơ hiệu quả kinh tế thấp, lãng phí thời gian, công sức và gây ô nhiễm môi trường.

Qui định cụ thể về trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm môi trường, tỷ lệ vốn đầu tư đối với từng loại hình dự án đầu tư và dự báo được tác động trong tương lai về tác động môi trường đối với các doanh nghiệp được cấp phép, theo dõi về quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

5.2.2. Tăng cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường

Rà soát, xây dựng kế hoạch thanh tra môi trường, đảm bảo không chồng chéo và không ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Cần thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có lượng nước thải không đảm bảo về quy định đảm bảo môi trường, các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao, công nghệ khó kiểm soát, chấn chỉnh công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và đảm bảo xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về môi trường.

Tăng cường hệ thống cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống quan trắc, cảnh báo về môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, khu vực nhạy cảm về môi trường, đông dân cư sinh sống.

Tăng cường lực lượng cảnh sát môi trường theo hướng ngày càng chính quy, hiện đại, tập trung vào đấu tranh, phòng chống tội phạm, giải quyết dứt điểm những điểm nóng về môi trường.

5.2.3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và huy động nguồn lực bảo vệ môi trường

Sắp xếp bộ máy tăng cường quản lý môi trường vừa hồng, vừa chuyên, cân đối và bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại theo qui hoạch đã được duyệt ngay trong kế hoạch đầu tư.

Vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, phân loại các chất thải tại nơi thu gom, bãi rác công cộng, chủ động cung cấp thông tin, phát huy vai trò của báo chí trong công tác bảo vệ môi trường. Công khai các doanh nghiệp có quá trình sản xuất không tuân thủ các quy định về môi trường trên hệ thống thông tin báo chí, truyền hình....

5.2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào xử lý ô nhiễm môi trường

Đẩy nhanh tiến bộ khoa học công nghệ thông tin, công

nghệ hiện đại trong nước và trên thế giới vào xử lý môi trường. Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế về môi trường, bố trí kinh phí hợp lý để thực hiện các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Hợp tác mạnh mẽ với các tổ chức quốc tế, cảnh sát môi trường, với các đối tác truyền thống và mở rộng hợp tác với các quốc gia có khả năng hạn chế ô nhiễm môi trường tốt. Buộc các đối tượng có qui mô xả thải lớn lắp đặt các thiết bị kiểm soát, giám sát xả thải theo qui định của pháp luật Việt Nam và trên thế giới.

5.2.5. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý môi trường ở các khu công nghiệp

Ban quản lý các khu công nghiệp cần trở thành một chủ thể, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và được giao đủ thẩm quyền và trách nhiệm, công cụ liên quan để bảo vệ môi trường. Chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường không để chồng chéo, để xảy ra tiêu cực trong thực thi công việc. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và huy động nguồn lực bảo vệ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý từ trung ương đến địa phương và phải am hiểu sâu về chuyên môn nghiệp vụ môi trường.

6. Kết luận và kiến nghị

6.1. Kết luận

Việc đẩy mạnh thu hút vốn FDI và gắn với bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết và quan trọng, là cơ sở nhằm thúc đẩy kinh tế của thành phố. Trong quá trình nghiên cứu tác giả đã thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Đánh giá lại các hình thức đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào thành phố Đà Nẵng và nêu ra các ưu điểm, nhược điểm riêng của từng hình thức. Việc địa phương lựa chọn hình thức thu hút đầu tư nào còn phụ thuộc vào lợi thế, mục tiêu và định hướng phát triển của thành phố ở hiện tại và tương lai.

+ Đánh giá và phân tích tác động của chính sách thu hút, thực trạng thu hút vốn FDI trong thời gian qua.

+ Phân tích thực trạng thu hút vốn FDI và tình hình gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua. Qua đó cho thấy, các doanh nghiệp FDI đã góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại... và đồng thời đánh giá tác động môi trường do các doanh nghiệp FDI gây ra.

+ Dựa trên xu hướng phát triển của kinh tế thế giới, thực trạng thu hút vốn FDI và thực tế ô nhiễm môi trường tại thành phố Đà Nẵng. Tác giả đưa ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI và hạn chế tác động ô nhiễm môi trường tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

6.2. Kiến nghị

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo tập trung xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng kinh tế và đặc biệt là thành phố Đà Nẵng; ưu tiên bố trí các nguồn vốn và sớm triển khai đầu tư các công trình trọng điểm; Cho phép thành phố được hưởng cơ chế tài chính ưu đãi; thông qua chính sách vĩ mô, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư; Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và bổ sung các qui định của pháp luật nhằm đẩy nhanh, hiệu quả về kiểm soát tác động môi trường; Xem

xét, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có Thông tư hướng dẫn chi tiết các quy định của Nghị định, nhất là các quy định cụ thể liên quan đến các dự án có công trình xây dựng, việc lập báo cáo năng lực tài chính của chủ đầu tư, việc thực hiện hồ sơ đăng ký kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là khâu tiếp nhận ban đầu các dự án, để khi triển khai hạn chế tối đa gây ô nhiễm trong môi trường làm khó khăn trong quá trình xử lý, khắc phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, giai đoạn 2015- 2017.
- [2] Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- [3] Bộ Công thương (2013), *Đầu tư nước ngoài trong phát triển ngành CNHT tại Việt Nam*, Kỳ yếu hội nghị 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- [4] Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, Niên giám thống kê Đà Nẵng 2014.đến 2017.
- [5] Lê Tuấn Lộc và Nguyễn Thị Tuyết (2013), “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài: trường hợp nghiên cứu điển hình tại Đà Nẵng”, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 11(21).
- [6] Hồ Kỳ Minh và Nguyễn Văn Hùng (2013), *Định hướng chiến lược xúc tiến đầu tư thống nhất Vùng Duyên hải miền Trung*, Kỳ yếu hội nghị xúc tiến đầu tư Vùng Duyên hải miền Trung tại Đà Nẵng.
- [7] Nguyễn Xuân Thành (2013), Thu hút đầu tư vào nền kinh tế địa phương: Kinh nghiệm quốc tế, *Kỳ yếu hội nghị xúc tiến đầu tư Vùng Duyên hải miền Trung tại Đà Nẵng*.
- [8] Đặng Vinh (2017), “Các giải pháp ngăn ngừa và hạn chế tình trạng gian lận của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung Việt Nam”, đề tài cấp Bộ.
- [9] Đặng Vinh (2018), “Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng”, Luận án Tiến sỹ kinh tế.
- [10] <http://danang.gov.vn>

(BBT nhận bài: 08/01/2019, hoàn tất thủ tục phản biện xong: 12/8/2019)